

Số: 59 /TB-NLGMN.2025

Quảng Ngãi, ngày 22 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO KẾT QUẢ LỰA CHỌN**  
**TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN**

**I. KẾT QUẢ LỰA CHỌN:**

1. Tài sản bán đấu giá: Giá trị sản lượng rừng trồng khai thác tại các Ban trồng rừng nguyên liệu giấy thuộc Công ty TNHH MTV nguyên liệu giấy Miền Nam.
2. Giá khởi điểm tài sản bán đấu giá (giá cây đứng): Bao gồm 25 gói cụ thể như sau:

Thứ tự gói	Hiện trường thuộc Ban trồng rừng	Diện tích (ha)	Sản lượng CK theo tỷ lệ thương phẩm sau tăng trưởng (m <sup>3</sup> /lô)				Giá trị cây đứng (đồng/gói)
			Tổng	Gỗ lớn (>=16cm)	Gỗ NLG (D: 10-15,9 cm)	Gỗ NLG (D: 6-9,9 cm)	
Gói 1	Văn Xuôi	36,40	10.067,7	4.877,5	3.533,6	1.656,6	9.596.297.373
Gói 2	Văn Xuôi	35,14	7.426,6	3.558,7	2.578,2	1.289,7	7.442.062.584
Gói 3	Văn Xuôi	18,27	5.086,3	2.672,2	1.674,0	740,1	4.254.180.521
Gói 4	Văn Xuôi	36,42	7.312,0	3.483,6	2.592,7	1.235,7	7.201.562.928
Gói 5	Văn Xuôi	45,90	9.332,7	4.222,8	3.389,8	1.720,1	9.077.338.635
Gói 6	Văn Xuôi	55,00	13.051,4	6.644,0	4.240,2	2.167,2	12.933.923.023
Gói 7	Văn Xuôi	44,20	8.810,4	4.512,5	2.869,7	1.428,2	8.978.177.918
Gói 8	Văn Xuôi	35,13	7.573,6	3.905,4	2.419,7	1.248,5	7.583.436.683
Gói 9	Văn Xuôi	42,00	10.128,5	4.778,9	3.529,6	1.820,0	9.938.842.319
Gói 10	Văn Xuôi	37,90	9.131,3	4.012,7	3.265,8	1.852,8	8.090.055.408
Gói 11	Kon Đào	22,84	4.752,8	2.670,8	1.443,2	638,8	5.129.608.454
Gói 12	Ngọc Tụ	58,30	11.537,1	6.798,7	3.200,6	1.537,8	12.356.091.847
Gói 13	Ngọc Tụ	39,00	8.586,5	4.951,0	2.550,6	1.084,9	9.203.291.067
Gói 14	Ngọc Tụ	36,13	8.005,0	4.840,2	2.110,7	1.054,1	8.902.427.956
Gói 15	Ngọc Tụ	56,60	11.076,8	6.282,5	3.398,7	1.395,6	11.944.677.219
Gói 16	Ngọc Tụ	40,00	8.489,5	5.033,6	2.384,2	1.071,7	9.296.727.139
Gói 17	Ngọc Tụ	43,20	8.309,1	4.454,1	2.664,1	1.190,9	8.607.793.092
Gói 18	Ngọc Tụ	40,40	6.443,1	3.002,8	2.291,0	1.149,3	6.412.177.843
Gói 19	Ngọc Tụ	41,00	7.286,8	3.630,1	2.457,9	1.198,8	7.087.311.952
Gói 20	Pô Kô	41,66	3.884,6	1.006,2	1.563,4	1.315,0	3.107.610.827
Gói 21	Pô Kô	41,71	6.195,9	2.545,8	2.406,2	1.243,9	6.328.682.005

Gói 22	Pô Kô	40,94	7.266,8	2.790,2	3.053,7	1.422,9	6.270.342.544
Gói 23	Pô Kô	43,23	7.591,9	2.551,5	3.540,4	1.500,0	6.244.220.311
Gói 24	Pô Kô	35,28	6.265,8	2.213,3	2.801,0	1.251,5	5.503.991.722
Gói 25	Pô Kô	29,25	4.632,2	1.549,1	2.053,8	1.029,3	3.828.790.862
<b>Tổng cộng</b>		<b>995,90</b>	<b>198.244,4</b>	<b>96.988,2</b>	<b>68.012,8</b>	<b>33.243,4</b>	<b>195.319.622.232</b>

(Giá trị tài sản trên đã bao gồm thuế GTGT).

3. Tên, địa chỉ tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Nam. Tổng số điểm: 98.

4. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có): Không.

5. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có): Không.

**II. KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn):**

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	Công ty đấu giá hợp danh Bắc Trung Nam
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19</b>	<b>19</b>
<b>1.</b>	<b>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>10</b>	<b>10</b>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5	5
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5	5
<b>2.</b>	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5</b>	<b>5</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2	2

2.2	<i>Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)</i>	3	3
3.	<i>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</i>  <i>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</i>	2	2
4.	<i>Có Trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1	1
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1	1
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16</b>	<b>16</b>
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4	4
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2	2
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2	2
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4	4
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4	4
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2	2
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2	2
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đùm giú, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4	4
<b>IV</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>57</b>	<b>55</b>
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành)</i>  Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	15	15
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12	

1.2	Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá	13	
1.3	Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá	14	
1.4	Từ 70 cuộc đấu giá trở lên	15	15
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7	7
2.1	Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)	4	
2.2	Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành	5	
2.3	Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành	6	
2.4	Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên	7	7
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí.	7	7
3.1	Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)	4	
3.2	Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc	5	
3.3	Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc	6	
3.4	Từ 50 cuộc trở lên	7	7
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng). (Chỉ chấm điểm cho các Tổ chức hành nghề đấu giá kê khai đúng theo quy định số cuộc đấu giá theo Điều 34 Luật Đấu giá). Người có tài sản chấm điểm theo cách thức dưới đây. Trường hợp kết quả điểm là số thập phân thì được làm tròn đến số hàng phần trăm. Trường hợp số điểm của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản dưới 1 điểm (bao gồm cả trường hợp 0 điểm) thì được tính là 1 điểm.	3	3
4.1	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm	3	3

4.2	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm tính theo công thức:  Số điểm của B=(U x 3)/Y		
4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành công trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức trên: Số điểm của C=(V x 3)/Y		
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b>  Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7	5
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5	5
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6	
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7	
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>  Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4	4
6.1	01 đấu giá viên	2	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4	4
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</b>  Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4	4

7.1	Dưới 05 năm	2	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4	4
8.	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5	5
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	3	
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	4	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 5 năm trở lên	5	5
9.	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	5	5
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5	5
V	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</b>	8	8
1	Trong năm 2024-2025, tổ chức hành nghề đấu giá đã đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá của người có tài sản có giá khởi điểm lớn nhất bằng hình thức trực tuyến.	3	3
2	Trong năm 2024-2025, tổ chức hành nghề đấu giá đã đấu giá thành công tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá có tỷ lệ % chênh lệch cao nhất giữa giá đấu giá thành so với giá khởi điểm.	3	3
3	Trong năm 2024-2025, tổ chức hành nghề đấu giá tài sản đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản cùng loại với người có tài sản và đã tổ chức đấu giá thành theo hợp đồng đó.	1	1
4	Tổ chức hành nghề đấu giá được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện tổ chức đấu giá trực tuyến	1	1
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>	<b>98</b>

Công ty TNHH MTV Nguyên liệu giấy Miền Nam thông báo để tổ chức đấu giá tài sản biết./.

**Nơi nhận:**

- Cổng thông tin điện tử Quốc gia về đấu giá tài sản (đăng thông tin);
- Các phòng nghiệp vụ LQ;
- Chủ tịch Cty, KSV (B/c);
- Lưu: VT.

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY**



*Mục Văn Được*